

**ĐẠI HỌC Y DƯỢC TP HCM
BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y DƯỢC**

Số: 288/BVĐHYD-QTTN

V/v mời chào giá

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 10 năm 2021

Kính gửi: Các nhà cung cấp

Bệnh viện Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh mời các nhà cung cấp có quan tâm, có khả năng cung cấp máy lạnh, quạt, ống gió, xử lý nước thải và vật tư cấp thoát nước cho Khoa Vi sinh, Khoa Giải phẫu bệnh và Kho hồ sơ tại Bệnh viện Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh báo giá theo phụ lục đính kèm.

Đề nghị các nhà cung cấp gửi file pdf báo giá có ký tên đóng dấu theo mẫu đính kèm, file excel báo giá (nếu có) đến email moichaogia@umc.edu.vn và gửi bản giấy có đóng dấu về Phòng Quản trị tòa nhà, Bệnh viện Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh (địa chỉ 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh).

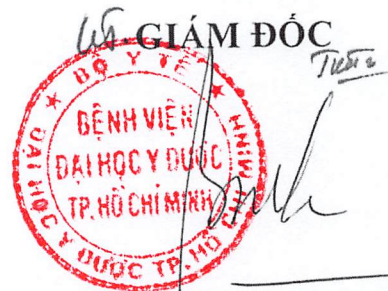
- Thời gian nhận báo giá: đến hết ngày 07 / 10 / 2021

- Điện thoại liên hệ: 028.39525443 (Anh Vĩnh - Phòng Quản trị tòa nhà).

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đơn vị Quản lý Đấu thầu (để đăng tin);
- Lưu: VT, QTTN (J16-195-dtthuy) (3).



Trương Quang Bình
Phó Giám đốc

PHỤ LỤC

DANH MỤC HÀNG HÓA MỜI CHÀO GIÁ

(Kèm theo công văn mời chào giá số: 288/ BVĐHYD-QTTN ngày 05/ 10/ 2021)

Stt	Danh mục	Đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
A	Điều hòa trung tâm			
1	Máy lạnh âm trần nổi ống gió làm lạnh bằng nước/FCU	– Công suất lạnh: từ 36.000 BTU – Kiểu/loại: âm trần nổi ống gió – Công suất quạt: 246/200/158W – Số lượng quạt: 02 cái (3 tốc độ) – Nhiệt độ làm việc: 0-12 độ C – Lưu lượng nước: 30 lít/phút – Lưu lượng gió: 1200/975/810 CFM – Bảo hành: 12 tháng Tương đương mã hàng FWC12G của hãng Daikin.	cái	2
2	Van cổng đóng/ngắt nước	– Kích thước: DN20 – Vật liệu thân van, đĩa van: đồng thau – Gioăng làm kín: cao su hoặc teflon – Kiểu lắp: bắt ren – Áp lực làm việc: PN10 – Nhiệt độ làm việc: 0~ 110 độ C – Môi trường làm việc: Nước sạch Tương đương mã KVS 403 của hãng KVS	cái	4
3	Khớp nối mềm nối ren	– Áp suất: 16 Bar – Áp suất nổ: 48 Bar – Nhiệt độ làm việc: -10 đến 100°C – Kết nối chủ đề: BS21 (ISO 7) / BS EN 10226-2 – Giảm thiểu việc truyền rung động và tiếng ồn – Đúc chính xác bằng cao su tổng hợp được gia cố bằng dây nylon – Hai đầu rắc co đúc bằng gang dẻo – Thân chống rung làm bằng cao su chịu nhiệt, lõi bên trong bằng sợi Nylon Tương đương mã KVS-501T của hãng KVS	cái	4

Stt	Danh mục	Đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
4	Van điện từ (bao gồm 2 bộ phận: van khóa nước và bộ điều khiển)	– Loại: van 2 ngã, ren trong – Kích thước: DN20 – Áp lực làm việc: từ PN 25 – Mô-men xoắn: 1 Nm – Nguồn điện: AC/DC 24V – Dây điện áp định danh: AC 19.2...28.8 V / DC 21.6...28.8 V – Hành trình đóng/mở: 75s/90° – Bao gồm van khóa nước vật liệu đồng thau Tương đương mã CQK24A-SR-T bao gồm C220Q-K của hãng Belimo	bộ	2
5	Van cân bằng	– Vật liệu: đồng thau – Kết nối: ren trong – Kích thước: DN20 – Nhiệt độ làm việc: -10 đến 120 độ C – Áp lực làm việc: 20-25 Bar – Tay quay hiển thị mức điều chỉnh (2 số màu đen/đỏ) – Đo và cài đặt lưu lượng phù hợp theo thiết kế của hệ thống lạnh tại bệnh viện Tương đương mã 4017 M của hãng HERZ	cái	2
6	Lọc Y DN20	– Kích thước: DN20 – Vật liệu thân lọc: đồng thau – Vật liệu lưới lọc: thép không gỉ 304 – Kết nối: ren trong – Nhiệt độ làm việc: -10 đến 120 độ C – Áp lực làm việc: 20-25 Bar Tương đương mã KVS 200-T của hãng KVS	cái	2
7	Bộ điều khiển /Thermostats + đế	– Nguồn điện: 24 (+/- 10%) VAC – Tần số: 50Hz – Điện thế đầu ra: DC 0-10V – Nguồn tải quạt: 230(+/-10%)VAC, 4(2)A – Màn hình LCD. Đèn nền màu xanh với viền trắng – Hộp đế kích thước 86 × 86mm hoặc hộp 3 × 3 inch Tương đương mã T6865H2WB của hãng Honeywell	bộ	2

Stt	Danh mục	Đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
8	Quạt ly tâm thấp áp	– Công suất lạnh: 0.5 HP – Kiểu/loại: ly tâm – Cột áp: 200 m3/h – Điện thế: 220V-50Hz – Lưu lượng gió: 1400 m3/h – Đã bao gồm giá treo, tủ điện điều khiển Tương đương mã hàng QLT-06P0.5 của Toàn Phát	cái	5
9	Ổng thép có cách nhiệt	– Tiêu Chuẩn :ASTM A106 Grade B, ASTM A53-Grade B, API 5L, GOST, JIS, DIN, GB/T – Đường kính: ống đúc phi 27, DN20 – Chiều dài: ống đúc từ 6m – 12 m – Vật liệu: thép mạ kẽm – Kèm cách nhiệt dày 25mm – Kích thước: DN20 dày 3.91mm	mét	30
10	Co, tê, khớp nối sống cho ống thép	– Vật liệu: thép mạ kẽm – Tiêu chuẩn: BS 1387/1985 – Kích thước: DN20 dày 3.91mm	cái	12
11	Máng nước ngưng phụ có cách nhiệt	– Kích thước: 1500x600x50mm dày 0.75mm – Kèm cách nhiệt PE dày 25mm – Vật liệu: tôn mạ kẽm, cách nhiệt 25mm	cái	2
12	Hộp gió đầu cấp cho FCU có cách nhiệt	– Kích thước: 1520x120/450x300x500mm dày 0.75mm – Vật liệu: tôn mạ kẽm, cách nhiệt PE OPP, mút, xốp dày 40mm	cái	2
13	Hộp gió đầu hồi cho FCU có cách nhiệt	– Kích thước: 1320x250x400mm dày 0.75mm – Vật liệu: tôn mạ kẽm, cách nhiệt PE OPP, mút, xốp dày 40mm	cái	2
14	Ổng gió cấp có cách nhiệt	– Kích thước: 450x300x500mm, dày 0.75mm – Vật liệu: tôn mạ kẽm, cách nhiệt PE OPP, mút, xốp dày 40mm	cái	2
15	Ổng gió (lượn) có cách nhiệt	– Kích thước: 450x300x500/300mm dày 0.75mm – Vật liệu: tôn mạ kẽm, cách nhiệt PE OPP, mút, xốp dày 40mm	cái	2

Stt	Danh mục	Đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
16	Ống gió có cách nhiệt	– Vật liệu: thép mạ kẽm – Kèm cách nhiệt PE OPP, mút, xốp dày 40mm – Kích thước: :500x200mm dày 0.58mm	mét	13
17	Ống gió	– Vật liệu: thép mạ kẽm – Kích thước: :300x250mm dày 0.58mm	mét	37
18	Co chuyển đổi	– Vật liệu: tôn mạ kẽm – Kích thước: 150x150mm/D114mm	cái	10
19	Co ống gió giảm	– Vật liệu: tôn mạ kẽm – Kích thước: 300x250mm/phi 600mm	cái	4
20	Co 90 có cách nhiệt	– Vật liệu: thép mạ kẽm – Kèm cách nhiệt PE OPP, mút, xốp dày 40mm – Kích thước: 500x200x200mm	cuộn	1
21	Co 90	– Vật liệu: thép mạ kẽm – Kích thước: 300x250x200mm	cái	6
22	Cổ góp gió có cách nhiệt	– Vật liệu: tôn mạ kẽm, – Kèm cách nhiệt PE OPP, mút, xốp dày 40mm – Kích thước: D250mm	cái	19
23	Cổ góp gió có cách nhiệt	– Vật liệu: tôn mạ kẽm, – Kèm cách nhiệt PE OPP, mút, xốp dày 40mm – Kích thước: D200mm	cái	10
24	Mặt nạ gió	– Vật liệu: nhôm sơn tĩnh điện 2 lớp – Kích thước: 600x600mm	cái	17
25	Hộp mặt nạ có cách nhiệt	– Vật liệu: tôn mạ kẽm – Kèm cách nhiệt PE OPP, mút, xốp dày 40mm – Kích thước: 470x470x150mm	cái	17
26	Van chỉnh gió có cách nhiệt	– Kích thước: D250mm – Vật liệu: tôn mạ kẽm dày 0.75mm – Kèm cách nhiệt PE OPP, mút, xốp dày 40mm	cái	4
27	Ống gió mềm có cách nhiệt	– Kích thước: D250mm, – Kèm cách nhiệt sợi PE OPP dày 25mm – Vật liệu: nhôm 4 lớp, lò xo kẽm	mét	80
28	Ống gió mềm có cách nhiệt	– Kích thước: D200mm – Vật liệu: nhôm 4 lớp, lò xo kẽm – Xuất xứ: Việt Nam	mét	30

Stt	Danh mục	Đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
29	Ống gió mềm có cách nhiệt	– Kích thước: D100mm – Vật liệu: nhôm 4 lớp, lò xo kẽm	mét	20
30	Nối mềm ống gió kết FCU	– Kích thước: 1320x180x150mm – Vật liệu: Simily	cái	2
B	Máy lạnh treo tường			
31	Máy lạnh treo tường	– Môi chất làm lạnh: R32 – Công nghệ máy nén: Không inverter – Môi chất làm lạnh: R32 – Công suất: 18.000BTU (2.0Hp) – Điện áp: 220V/50Hz – Bảo hành: 24 tháng và 5 năm máy nén Tương đương mã hàng SC18TL32 của hãng Casper	cái	3
32	Ống đồng có cách nhiệt, simily và dây điện	– Vật liệu: đồng – Kích thước: D6 và D12 – Đã bao gồm: cách nhiệt, simily, dây điện D2.5m2	mét	60
33	Giá đỡ	– Vật liệu: thép V5 dày 4mm, sơn dầu – Kích thước: 450x500mm	bộ	3
C	Vật tư, thiết bị cấp nước, thoát nước			
34	Vòi nước cảm ứng tại đầu vòi	– Vật liệu: thép không gỉ – Nguồn sử dụng : AC 200V – 250V/DC 6V (sử dụng điện hoặc pin 4 x 2A) – Kích thước : 340 mm – Khoảng cách đầu vòi và thân vòi: 120mm – Phạm vi cảm biến : 10-30 cm – Áp suất cho phép : 0.5 Bar – 8 Bar – Nhiệt độ cho phép : < 45 độ C – Chuẩn kết nối : G (1/2)'' – Dây nối 21 mm – Vận tốc chảy : < 0.15 l/s Tương đương mã TP-20949 của hãng TPPRO	cái	5
35	Bơm nước	– Lõi mô tơ: Dây đồng – Nguồn điện áp: 220V/50Hz – Công suất: 750W – Độ hút sâu: 8m – Cột áp: 20m Tương đương mã SHP 750CE của hãng SHINING	cái	1

Stt	Danh mục	Đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
36	Bơm định lượng hóa chất 1.5l/giờ	– Bơm định lượng hóa chất – Công suất (W): 200 – Điện áp (V): 1 phase – 20V – 50Hz – Lưu lượng (L/h): 1.5 – Áp lực (Bar): 13 Đã bao gồm giá treo bằng thép không gỉ. Kích thước tương thích với bơm. Tương đương mã BL1.5 của hãng Hana	cái	1
37	Phao điện	– Vật liệu: PVC – Điện áp: 220V – Dòng điện chịu tải: 15A – Ren D27 – Ngắt mở bơm nước tự động vào bồn chứa – Trái phao làm bằng chất liệu nhựa cao cấp trong suốt	bộ	1
38	Công tắc cảm biến mức nước đóng/mở bơm định lượng	– Vật liệu: thép không gỉ – Bao gồm: bộ điều khiển mức nước + 3 que cảm biến thép không gỉ + cáp điện 2x 0.75 mm² Tương đương mã CNP-18-30 của hãng Dinel	cái	1
39	Bồn nhựa	– Vật liệu: PE – Kích thước bồn (CxRxĐ) : 730 x 860 x 1.240 mm – Qui cách: 500 lít Tương đương bồn nhựa của hãng Tân Á Đại Thành	cái	1
40	Bồn chứa PE	– Vật liệu: HDPE nguyên sinh – Kích thước bồn: 380x460x760mm – Qui cách: 100 lít Tương đương bồn nhựa của hãng Tân Á Đại Thành	cái	1
41	Vòi nước cho chậu rửa thép không gỉ	– Vật liệu: đồng thau mạ Crôm – Dành cho chậu rửa thép không gỉ – Vòi rửa chén lạnh, cần cong , tay gạt Tương đương mã sản phẩm Luxta L3114WT3	cái	1

Stt	Danh mục	Đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
42	Chậu rửa âm bàn	– Vật liệu sứ, có men chống bám bẩn – Kích thước (dài x rộng x cao): 430x580x220 mm – Màu sắc: Trắng – Kiểu: 01 lỗ – Không bao gồm giá đỡ, vòi, bộ xả... Tương đương mã 0458-WT của hãng American Standard	cái	5
43	Xả chậu rửa sứ	– Vật liệu: thép không gỉ Tương đương mã hàng L6202 của hãng Luxta	cái	5
44	Xả chậu rửa thép không gỉ	– Vật liệu: thép không gỉ – Kích thước: Ø 140 mm – Ống xi phong bằng nhựa, bộ xi phong có bầu lửng chống hôi và bám cặn. – Bầu xả có rô lọc rác có quai xách, nắp đáy ron kín – Bộ xả bao gồm đầy đủ 1 bầu xả + 1 bộ ống thoát nước bồn rửa PVC + 1 bộ xả tràn	cái	5
45	Hộp đựng xả phòng	– Dung tích: 380 ml – Vật liệu: nhựa ABS – Kích thước: 9.3x8.0x19.3cm	cái	5
46	Ống nước PPR	– Vật liệu: PPR – Kích thước: Ø25	mét	48
47	Co, Tê PPR	– Vật liệu: PPR – Kích thước: Ø25	cái	27
48	Ống uPVC dùng cho nước RO	– Kích thước: D26.7x3.91 mm – Vật liệu: nhựa PVC-C – Khả năng chịu nhiệt: -30~1000C, 0~600C (PVC-U) – Áp lực làm việc cao: chịu áp tối đa 60kgf/cm² – Chống cháy. Chứng nhận chống cháy UL, LBCB – Dùng keo dán chuyên dụng cho ống uPVC – Chứng nhận vệ sinh NSF Tương đương mã CH.80 của hãng HERSHEY	mét	60

Stt	Danh mục	Đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
49	Co, Tê, nút bịt, keo dán cho ống uPVC	– Kích thước: tương thích ống D26.7x3.91 mm – Vật liệu: nhựa uPVC – Khả năng chịu nhiệt : -30~1000C, 0~600C (PVC-U) – Áp lực làm việc cao: chịu áp tối đa 60kgf/cm² – Chống cháy. Chứng nhận chống cháy UL, LBCB – Dùng keo dán chuyên dụng cho ống uPVC – Chứng nhận vệ sinh NSF Tương đương mã các co, Tê, nút bịt của hãng HERSHEY	gói	1
50	Van khóa nước cho ống uPVC	– Kích thước: tương thích ống D26.7x3.91 mm – Vật liệu: nhựa uPVC – Khả năng chịu nhiệt : -30~1000C, 0~600C (PVC-U) – Áp lực làm việc cao: chịu áp tối đa 60kgf/cm² – Chống cháy. Chứng nhận chống cháy UL, LBCB – Dùng keo dán chuyên dụng cho ống uPVC – Chứng nhận vệ sinh NSF Tương đương mã van khóa nước của hãng HERSHEY	cái	1
51	Van khóa PPR	– Vật liệu: PPR – Kích thước: Ø25	cái	2
52	Van góc thép không gỉ	– Vật liệu: thép không gỉ – Kích thước : Ø21	cái	6
53	Co ren trong PPR	– Vật liệu: PPR – Kích thước: Ø25	cái	6
54	Ống PE	– Kích thước: D10 – Vật liệu: PE trong suốt Dẫn hóa chất	mét	4
55	Ống PVC	– Kích thước: D21x1,8mm – Vật liệu: PVC	mét	4
56	Ống PVC	– Kích thước: D27x1,8mm – Vật liệu: PVC kèm cách nhiệt PE dày 13mm	mét	20

Stt	Danh mục	Đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
57	Co, Tê, nút bịt cho ống PVC	– Kích thước: D27x1,8mm – Vật liệu: PVC kèm cách nhiệt PE dày 13mm	gói	1
58	Ống nước PVC	– Vật liệu: PVC – Kích thước: Ø42	mét	80
59	Co, Tê PVC	– Vật liệu: PVC – Kích thước: Ø42	cái	35
60	Rắc-co	– Vật liệu: PVC – Kích thước: Ø42	cái	2
61	Nối ren trong/ngoài	– Vật liệu: PVC – Kích thước: Ø42	cái	6
62	Van 01 chiều	– Vật liệu: PVC – Kích thước: Ø42	cái	1
63	Dây cấp nước	– Vật liệu: thép không gỉ, 2 đầu ren trong bằng thau – Kích thước: 50 cm	sợi	5
64	Ống nước	– Vật liệu: PVC – Kích thước: Ø114	mét	40
65	Co, co lơi	– Vật liệu: PVC – Kích thước: Ø114	cái	18
66	Tủ điện	– Vật liệu: thép sơn tĩnh điện – Kích thước: 300x200x160mm	cái	2
67	Hóa chất Chlorine 70%	– Vật liệu: thành phần hóa chất $\text{Ca}(\text{ClO})_2$ nồng độ 70% – Qui cách: 45kg/thùng	thùng	1
68	Khoan lỗ bê-tông	– Kích thước: D75 – Tường bê tông dày 250mm	lỗ	5
69	Khoan lỗ bê-tông	– Kích thước: D120 – Tường bê tông dày 250mm	lỗ	5
70	Khoan lỗ bê-tông	– Kích thước: 360x260mm – Tường bê tông dày 250mm	lỗ	2
71	Vật tư phụ	– Vật tư phụ trọn gói để hoàn thiện các mục Điều hòa trung tâm (mục A), Máy lạnh (mục B) và Vật tư, thiết bị cấp nước, thoát nước (mục C) bao gồm: giá đỡ ống gió thép V5, giá đỡ quạt hút gió thải, bu long, tán M8, vít bắn, khung V giá đỡ quạt, thanh ren, tắc kê, cùm treo, gối đỡ, keo dán, băng keo lụa, băng keo	gói	1

Stt	Danh mục	Đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
		bạc, kẽm, ốc vít, ron cao su, sơn, lưới cắt.... Vật tư phụ để hoàn thiện lắp đặt hệ thống xử lý nước thải bao gồm tủ điều khiển		
72	Chi phí tháo ống gió (kích thước 400x200x8000mm và co) chuyển vị trí mới và lắp lại hoàn thiện	– Tháo và lắp lại hoàn thiện kết nối vật tư ống gió. Khoan ty treo, lắp giá đỡ, lắp âm trần, vị trí chặt hẹp, ngoài giờ, khâu hao thiết bị, dọn dẹp, vệ sinh, di chuyển rác sau lắp đặt ra khỏi bệnh viện, chi phí xét nghiệm covid-19....	hệ	1
73	Chi phí lắp đặt	Lắp đặt trọn gói để hoàn thiện các mục Điều hòa trung tâm (mục A), Máy lạnh (mục B) và Vật tư, thiết bị cấp nước, thoát nước (mục C) bao gồm: Lắp đặt máy lạnh trung tâm, máy lạnh treo tường, ống gió, ống nước.... kết nối vật tư và tháo, lắp, di dời 02 quạt hiện hữu. Lắp đặt âm trần, cắt đục hoàn thiện âm tường ống nước, vị trí chặt hẹp, ngoài giờ, khâu hao thiết bị, dọn dẹp, vệ sinh, di chuyển rác sau lắp đặt ra khỏi bệnh viện, chi phí xét nghiệm covid-19.... Lắp đặt hoàn thiện hệ thống bơm xử lý nước thải	gói	1
74	Vận chuyển	Trọn gói vận chuyển toàn bộ vật tư, thiết bị đến vị trí lắp đặt	gói	1

CÔNG TY:

ĐỊA CHỈ:

SỐ ĐIỆN THOẠI:

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Theo công văn mời chào giá số 2.881./BVĐHYD-QTTN ngày 05/10/2021 của Bệnh viện, Công ty chúng tôi báo giá như sau:

Stt	Danh mục	Đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VND) có VAT	Thành tiền (VND) có VAT
A	Điều hòa trung tâm					
1	Máy lạnh âm trần nổi ống gió làm lạnh bằng nước/FCU	– Công suất lạnh: từ 36.000 BTU – Kiểu/loại: âm trần nổi ống gió – Công suất quạt: 246/200/158W – Số lượng quạt: 02 cái (3 tốc độ) – Nhiệt độ làm việc: 0-12 độ C – Lưu lượng nước: 30 lít/phút – Lưu lượng gió: 1200/975/810 CFM – Bảo hành: 12 tháng - Tương đương mã hàng FWC12G của hãng Daikin.	cái	2		
2	Van cổng đóng/ngắt nước	– Kích thước: DN20 – Vật liệu thân van, đĩa van: đồng thau – Gioăng làm kín: cao su hoặc teflon – Kiểu lắp: bắt ren – Áp lực làm việc: PN10 – Nhiệt độ làm việc: 0~ 110 độ C – Môi trường làm việc: Nước sạch - Tương đương mã KVS 403 của hãng KVS	cái	4		

Stt	Danh mục	Đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VND) có VAT	Thành tiền (VND) có VAT
3	Khớp nối mềm nối ren	– Áp suất: 16 Bar – Áp suất nổ: 48 Bar – Nhiệt độ làm việc: -10 đến 100°C – Kết nối chủ đề: BS21 (ISO 7) / BS EN 10226-2 – Giảm thiểu việc truyền rung động và tiếng ồn – Đúc chính xác bằng cao su tổng hợp được gia cố bằng dây nylon – Hai đầu rắc co đúc bằng gang dẻo – Thân chống rung làm bằng cao su chịu nhiệt, lõi bên trong bằng sợi Nylon - Tương đương mã KVS-501T của hãng KVS	cái	4		
4	Van điện từ (bao gồm 2 bộ phận: van khóa nước và bộ điều khiển)	– Loại: van 2 ngã, ren trong – Kích thước: DN20 – Áp lực làm việc: từ PN 25 – Mô-men xoắn: 1 Nm – Nguồn điện: AC/DC 24V – Dây điện áp định danh: AC 19.2...28.8 V / DC 21.6...28.8 V – Hành trình đóng/mở: 75s/90° – Bao gồm van khóa nước vật liệu đồng thau - Tương đương mã CQK24A-SR-T bao gồm C220Q-K của hãng Belimo	bộ	2		
5	Van cân bằng	– Vật liệu: đồng thau – Kết nối: ren trong – Kích thước: DN20 – Nhiệt độ làm việc: -10 đến 120 độ C – Áp lực làm việc: 20-25 Bar – Tay quay hiển thị mức điều chỉnh (2 số màu đen/đỏ) – Đo và cài đặt lưu lượng	cái	2		

Stt	Danh mục	Đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VND) có VAT	Thành tiền (VND) có VAT
		phù hợp theo thiết kế của hệ thống lạnh tại bệnh viện Tương đương mã 4017 M của hãng HERZ				
6	Lọc Y DN20	– Kích thước: DN20 – Vật liệu thân lọc: đồng thau – Vật liệu lưới lọc: thép không gỉ 304 – Kết nối: ren trong – Nhiệt độ làm việc: -10 đến 120 độ C – Áp lực làm việc: 20-25 Bar Tương đương mã KVS 200-T của hãng KVS	cái	2		
7	Bộ điều khiển /Thermostats + đế	– Nguồn điện: 24 (+/- 10%) VAC – Tần số: 50Hz – Điện thế đầu ra: DC 0-10V – Nguồn tải quạt: 230(+/- 10%)VAC, 4(2)A – Màn hình LCD. Đèn nền màu xanh với viền trắng – Hộp đế kích thước 86 × 86mm hoặc hộp 3 × 3 inch Tương đương mã T6865H2WB của hãng Honeywell	bộ	2		
8	Quạt ly tâm thấp áp	– Công suất lạnh: 0.5 HP – Kiểu/loại: ly tâm – Cột áp: 200 m3/h – Điện thế: 220V-50Hz – Lưu lượng gió: 1400 m3/h – Đã bao gồm giá treo, tủ điện điều khiển Tương đương mã hàng QLT-06P0.5 của Toàn Phát	cái	5		

Stt	Danh mục	Đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VND) có VAT	Thành tiền (VND) có VAT
9	Ống thép có cách nhiệt	– Tiêu Chuẩn :ASTM A106 Grade B, ASTM A53-Grade B, API 5L, GOST, JIS, DIN, GB/T – Đường kính: ống đúc phi 27, DN20 – Chiều dài: ống đúc từ 6m – 12 m – Vật liệu: thép mạ kẽm – Kèm cách nhiệt dày 25mm – Kích thước: DN20 dày 3.91mm	mét	30		
10	Co, tê, khớp nối sống cho ống thép	– Vật liệu: thép mạ kẽm – Tiêu chuẩn: BS 1387/1985 – Kích thước: DN20 dày 3.91mm	cái	12		
11	Máng nước ngưng phụ có cách nhiệt	– Kích thước: 1500x600x50mm dày 0.75mm – Kèm cách nhiệt PE dày 25mm – Vật liệu: tôn mạ kẽm, cách nhiệt 25mm	cái	2		
12	Hộp gió đầu cấp cho FCU có cách nhiệt	– Kích thước: 1520x120/450x300x500mm dày 0.75mm – Vật liệu: tôn mạ kẽm, cách nhiệt PE OPP, mút, xốp dày 40mm	cái	2		
13	Hộp gió đầu hồi cho FCU có cách nhiệt	– Kích thước: 1320x250x400mm dày 0.75mm – Vật liệu: tôn mạ kẽm, cách nhiệt PE OPP, mút, xốp dày 40mm	cái	2		
14	Ống gió cấp có cách nhiệt	– Kích thước: 450x300x500mm, dày 0.75mm – Vật liệu: tôn mạ kẽm, cách nhiệt PE OPP, mút, xốp dày 40mm	cái	2		

Stt	Danh mục	Đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VND) có VAT	Thành tiền (VND) có VAT
15	Ống gió (lượn) có cách nhiệt	– Kích thước: 450x300x500/300mm dày 0.75mm – Vật liệu: tôn mạ kẽm, cách nhiệt PE OPP, mút, xốp dày 40mm	cái	2		
16	Ống gió có cách nhiệt	– Vật liệu: thép mạ kẽm – Kèm cách nhiệt PE OPP, mút, xốp dày 40mm – Kích thước: :500x200mm dày 0.58mm	mét	13		
17	Ống gió	– Vật liệu: thép mạ kẽm – Kích thước: :300x250mm dày 0.58mm	mét	37		
18	Co chuyển đổi	– Vật liệu: tôn mạ kẽm – Kích thước: 150x150mm/D114mm	cái	10		
19	Co ống gió giảm	– Vật liệu: tôn mạ kẽm – Kích thước: 300x250mm/phi 600mm	cái	4		
20	Co 90 có cách nhiệt	– Vật liệu: thép mạ kẽm – Kèm cách nhiệt PE OPP, mút, xốp dày 40mm – Kích thước: 500x200x200mm	cuộn	1		
21	Co 90	– Vật liệu: thép mạ kẽm – Kích thước: 300x250x200mm	cái	6		
22	Cổ góp gió có cách nhiệt	– Vật liệu: tôn mạ kẽm, – Kèm cách nhiệt PE OPP, mút, xốp dày 40mm – Kích thước: D250mm	cái	19		
23	Cổ góp gió có cách nhiệt	– Vật liệu: tôn mạ kẽm, – Kèm cách nhiệt PE OPP, mút, xốp dày 40mm – Kích thước: D200mm	cái	10		
24	Mặt nạ gió	– Vật liệu: nhôm sơn tĩnh điện 2 lớp – Kích thước: 600x600mm	cái	17		
25	Hộp mặt nạ có cách nhiệt	– Vật liệu: tôn mạ kẽm – Kèm cách nhiệt PE OPP, mút, xốp dày 40mm	cái	17		

Stt	Danh mục	Đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VND) có VAT	Thành tiền (VND) có VAT
		– Kích thước: 470x470x150mm				
26	Van chỉnh gió có cách nhiệt	– Kích thước: D250mm – Vật liệu: tôn mạ kẽm dày 0.75mm – Kèm cách nhiệt PE OPP, mút, xốp dày 40mm	cái	4		
27	Ống gió mềm có cách nhiệt	– Kích thước: D250mm, – Kèm cách nhiệt sợi PE OPP dày 25mm – Vật liệu: nhôm 4 lớp, lò xo kẽm	mét	80		
28	Ống gió mềm có cách nhiệt	– Kích thước: D200mm – Vật liệu: nhôm 4 lớp, lò xo kẽm – Xuất xứ: Việt Nam	mét	30		
29	Ống gió mềm có cách nhiệt	– Kích thước: D100mm – Vật liệu: nhôm 4 lớp, lò xo kẽm	mét	20		
30	Nối mềm ống gió kết FCU	– Kích thước: 1320x180x150mm – Vật liệu: Simily	cái	2		
B	Máy lạnh treo tường					
31	Máy lạnh treo tường	– Môi chất làm lạnh: R32 – Công nghệ máy nén: Không inverter – Môi chất làm lạnh: R32 – Công suất: 18.000BTU (2.0Hp) – Điện áp: 220V/50Hz – Bảo hành: 24 tháng và 5 năm máy nén Tương đương mã hàng SC18TL32 của hãng Casper	cái	3		
32	Ống đồng có cách nhiệt, simily và dây điện	– Vật liệu: đồng – Kích thước: D6 và D12 – Đã bao gồm: cách nhiệt, simily, dây điện D2.5m2	mét	60		
33	Giá đỡ	– Vật liệu: thép V5 dày 4mm, sơn dầu – Kích thước: 450x500mm	bộ	3		

Stt	Danh mục	Đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VND) có VAT	Thành tiền (VND) có VAT
C	Vật tư, thiết bị cấp nước, thoát nước					
34	Vòi nước cảm ứng tại đầu vòi	– Vật liệu: thép không gỉ – Nguồn sử dụng : AC 200V – 250V/DC 6V (sử dụng điện hoặc pin 4 x 2A) – Kích thước : 340 mm – Khoảng cách đầu vòi và thân vòi: 120mm – Phạm vi cảm biến : 10-30 cm – Áp suất cho phép : 0.5 Bar – 8 Bar – Nhiệt độ cho phép : < 45 độ C – Chuẩn kết nối : G (1/2)'' – Dây nối 21 mm – Vận tốc chảy : < 0.15 l/s Tương đương mã TP-20949 của hãng TPPRO	cái	5		
35	Bơm nước	– Lõi mô tơ: Dây đồng – Nguồn điện áp: 220V/50Hz – Công suất: 750W – Độ hút sâu: 8m – Cột áp: 20m Tương đương mã SHP 750CE của hãng SHINING	cái	1		
36	Bơm định lượng hóa chất 1.5l/giờ	– Bơm định lượng hóa chất – Công suất (W): 200 – Điện áp (V): 1 phase – 20V – 50Hz – Lưu lượng (L/h): 1.5 – Áp lực (Bar): 13 Đã bao gồm giá treo bằng thép không gỉ. Kích thước tương thích với bơm. Tương đương mã BL1.5 của hãng Hana	cái	1		

Stt	Danh mục	Đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VND) có VAT	Thành tiền (VND) có VAT
37	Phao điện	- Vật liệu: PVC - Điện áp: 220V - Dòng điện chịu tải: 15A - Ren D27 - Ngắt mở bơm nước tự động vào bồn chứa - Trái phao làm bằng chất liệu nhựa cao cấp trong suốt	bộ	1		
38	Công tắc cảm biến mực nước đóng/mở bơm định lượng	- Vật liệu: thép không gỉ - Bao gồm: bộ điều khiển mực nước + 3 que cảm biến thép không gỉ + cáp điện 2x 0.75 mm² - Tương đương mã CNP-18-30 của hãng Dinel	cái	1		
39	Bồn nhựa	- Vật liệu: PE - Kích thước bồn (CxRxĐ) : 730 x 860 x 1.240 mm - Qui cách: 500 lít - Tương đương bồn nhựa của hãng Tân Á Đại Thành	cái	1		
40	Bồn chứa PE	- Vật liệu: HDPE nguyên sinh - Kích thước bồn: 380x460x760mm - Qui cách: 100 lít - Tương đương bồn nhựa của hãng Tân Á Đại Thành	cái	1		
41	Vòi nước cho chậu rửa thép không gỉ	- Vật liệu: đồng thau mạ Crôm - Dành cho chậu rửa thép không gỉ - Vòi rửa chén lạnh, cần cong , tay gạt - Tương đương mã sản phẩm Luxta L3114WT3	cái	1		
42	Chậu rửa âm bàn	- Vật liệu sứ, có men chống bám bẩn - Kích thước (dài x rộng x cao): 430x580x220 mm - Màu sắc: Trắng - Kiểu: 01 lỗ - Không bao gồm giá đỡ, vòi, bộ xả...	cái	5		

Stt	Danh mục	Đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VND) có VAT	Thành tiền (VND) có VAT
		Tương đương mã 0458-WT của hãng American Standard				
43	Xả chậu rửa sứ	– Vật liệu: thép không gỉ Tương đương mã hàng L6202 của hãng Luxta	cái	5		
44	Xả chậu rửa thép không gỉ	– Vật liệu: thép không gỉ – Kích thước: Ø 140 mm – Ống xi phông bằng nhựa, bộ xi phông có bầu lắng chống hôi và bám cặn. – Bầu xả có rổ lọc rác có quai xách, nắp đậy ron kín – Bộ xả bao gồm đầy đủ 1 bầu xả + 1 bộ ống thoát nước bồn rửa PVC + 1 bộ xả tràn	cái	5		
45	Hộp đựng xả phòng	– Dung tích: 380 ml – Vật liệu: nhựa ABS – Kích thước: 9.3x8.0x19.3cm	cái	5		
46	Ống nước PPR	– Vật liệu: PPR – Kích thước: Ø25	mét	48		
47	Co, Tê PPR	– Vật liệu: PPR – Kích thước: Ø25	cái	27		
48	Ống uPVC dùng cho nước RO	– Kích thước: D26.7x3.91 mm – Vật liệu: nhựa PVC-C – Khả năng chịu nhiệt: -30~1000C, 0~600C (PVC-U) – Áp lực làm việc cao: chịu áp tối đa 60kgf/cm ² – Chống cháy. Chứng nhận chống cháy UL, LBCB – Dùng keo dán chuyên dụng cho ống uPVC – Chứng nhận vệ sinh NSF Tương đương mã CH.80 của hãng HERSHEY	mét	60		

Stt	Danh mục	Đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VND) có VAT	Thành tiền (VND) có VAT
49	Co, Tê, nút bịt, keo dán cho ống uPVC	– Kích thước: tương thích ống D26.7x3.91 mm – Vật liệu: nhựa uPVC – Khả năng chịu nhiệt : - 30~1000C, 0~600C (PVC-U) – Áp lực làm việc cao: chịu áp tối đa 60kgf/cm² – Chống cháy. Chứng nhận chống cháy UL, LBCB – Dùng keo dán chuyên dụng cho ống uPVC – Chứng nhận vệ sinh NSF - Tương đương mã các co, Tê, nút bịt của hãng HERSHEY	gói	1		
50	Van khóa nước cho ống uPVC	– Kích thước: tương thích ống D26.7x3.91 mm – Vật liệu: nhựa uPVC – Khả năng chịu nhiệt : - 30~1000C, 0~600C (PVC-U) – Áp lực làm việc cao: chịu áp tối đa 60kgf/cm² – Chống cháy. Chứng nhận chống cháy UL, LBCB – Dùng keo dán chuyên dụng cho ống uPVC – Chứng nhận vệ sinh NSF - Tương đương mã van khóa nước của hãng HERSHEY	cái	1		
51	Van khóa PPR	– Vật liệu: PPR – Kích thước: Ø25	cái	2		
52	Van góc thép không gỉ	– Vật liệu: thép không gỉ – Kích thước : Ø21	cái	6		
53	Co ren trong PPR	– Vật liệu: PPR – Kích thước: Ø25	cái	6		
54	Ống PE	– Kích thước: D10 – Vật liệu: PE trong suốt - Dẫn hóa chất	mét	4		
55	Ống PVC	– Kích thước: D21x1,8mm – Vật liệu: PVC	mét	4		

Stt	Danh mục	Đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VND) có VAT	Thành tiền (VND) có VAT
56	Ống PVC	– Kích thước: D27x1,8mm – Vật liệu: PVC kèm cách nhiệt PE dày 13mm	mét	20		
57	Co, Tê, nút bịt cho ống PVC	– Kích thước: D27x1,8mm – Vật liệu: PVC kèm cách nhiệt PE dày 13mm	gói	1		
58	Ống nước PVC	– Vật liệu: PVC – Kích thước: Ø42	mét	80		
59	Co, Tê PVC	– Vật liệu: PVC – Kích thước: Ø42	cái	35		
60	Rắc-co	– Vật liệu: PVC – Kích thước: Ø42	cái	2		
61	Nối ren trong/ngoài	– Vật liệu: PVC – Kích thước: Ø42	cái	6		
62	Van 01 chiều	– Vật liệu: PVC – Kích thước: Ø42	cái	1		
63	Dây cấp nước	– Vật liệu: thép không gỉ, 2 đầu ren trong bằng thau – Kích thước: 50 cm	sợi	5		
64	Ống nước	– Vật liệu: PVC – Kích thước: Ø114	mét	40		
65	Co, co lơi	– Vật liệu: PVC – Kích thước: Ø114	cái	18		
66	Tủ điện	– Vật liệu: thép sơn tĩnh điện – Kích thước: 300x200x160mm	cái	2		
67	Hóa chất Chlorine 70%	– Vật liệu: thành phần hóa chất $\text{Ca}(\text{ClO})_2$ nồng độ 70% – Qui cách: 45kg/thùng	thùng	1		
68	Khoan lỗ bê-tông	– Kích thước: D75 – Tường bê tông dày 250mm	lỗ	5		
69	Khoan lỗ bê-tông	– Kích thước: D120 – Tường bê tông dày 250mm	lỗ	5		
70	Khoan lỗ bê-tông	– Kích thước: 360x260mm – Tường bê tông dày 250mm	lỗ	2		

Stt	Danh mục	Đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VND) có VAT	Thành tiền (VND) có VAT
71	Vật tư phụ	– Vật tư phụ trọn gói để hoàn thiện các mục Điều hòa trung tâm (mục A), Máy lạnh (mục B) và Vật tư, thiết bị cấp nước, thoát nước (mục C) bao gồm: giá đỡ ống gió thép V5, giá đỡ quạt hút gió thải, bu long, tán M8, vít bắn, khung V giá đỡ quạt, thanh ren, tắc kê, cùm treo, gói đỡ, keo dán, băng keo lụa, băng keo bạc, kềm, ốc vít, ron cao su, sơn, lưới cắt.... Vật tư phụ để hoàn thiện lắp đặt hệ thống xử lý nước thải bao gồm tủ điều khiển	gói	1		
72	Chi phí tháo ống gió (kích thước 400x200x8000mm và co) chuyển vị trí mới và lắp lại hoàn thiện	– Tháo và lắp lại hoàn thiện kết nối vật tư ống gió. Khoan ty treo, lắp giá đỡ, lắp âm trần, vị trí chật hẹp, ngoài giờ, khấu hao thiết bị, dọn dẹp, vệ sinh, di chuyển rác sau lắp đặt ra khỏi bệnh viện, chi phí xét nghiệm covid-19....	hệ	1		
73	Chi phí lắp đặt	Lắp đặt trọn gói để hoàn thiện các mục Điều hòa trung tâm (mục A), Máy lạnh (mục B) và Vật tư, thiết bị cấp nước, thoát nước (mục C) bao gồm: Lắp đặt máy lạnh trung tâm, máy lạnh treo tường, ống gió, ống nước.... kết nối vật tư và tháo, lắp, di dời 02 quạt hiện hữu. Lắp đặt âm trần, cắt đục hoàn thiện âm tường ống nước, vị trí chật hẹp, ngoài giờ, khấu hao thiết bị, dọn	gói	1		

Stt	Danh mục	Đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VND) có VAT	Thành tiền (VND) có VAT
		dẹp, vệ sinh, di chuyển rác sau lắp đặt ra khỏi bệnh viện, chi phí xét nghiệm covid-19.... Lắp đặt hoàn thiện hệ thống bơm xử lý nước thải				
74	Vận chuyển	Trộn gói vận chuyển toàn bộ vật tư, thiết bị đến vị trí lắp đặt	gói	1		

Báo giá này có hiệu lực từ ngày / / 2021 đến ngày / / 2021

Ngày ... tháng năm 2021

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký tên và đóng dấu)